TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 12 – GIA LAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số:150/2026/QĐST-HNGĐ	*Gia Lai, ngày 17 tháng 6 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 241/2026/TLST-HNGĐ, ngày 02 tháng 6 năm 2026 về việc *"Ly hôn, tranh chấp nuôi con"* giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Rơ Ô T, sinh năm 2001

Địa chỉ: Buôn Đ, xã I, tỉnh Gia Lai

-*Bị đơn:* Bà Ksor H, sinh năm 2004

Địa chỉ: Buôn P, xã I, tỉnh Gia Lai

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 55, 57, 58, 69, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án,

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2026,

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi nhận trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 09 tháng 6 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Rơ Ô T và bà Ksor H

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về con:* Ông Rơ Ô T và bà Ksor H có 01 con chung là Ksor C, sinh ngày 01/02/2022.

Ông Rơ Ô T và bà Ksor H thống nhất giao con chung cho bà Ksor H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục kể từ ngày 09/6/2026 cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Sau khi ly hôn các bên được quyền thăm nom con, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con không ai được cản trở.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tòa án đã giải thích về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của người trực tiếp nuôi con nhưng bà Ksor H vẫn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, hiện tại ông Rơ Ô T không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Vì lợi ích của con trong trường hợp có yêu cầu của cha mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định thay đổi mức cấp dưỡng.

- *Về tài sản chung và thực hiện nghĩa vụ chung về tài sản:* Các đương sự thống nhất không yêu cầu Toà án giải quyết.

- *Về án phí:*

Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là: 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng).* Toà án tiến hành hoà giải các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án thì chỉ phải chịu 50% mức án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng),* trong đó ông Rơ Ô T phải nộp 75.000 đồng *(bảy mươi lăm nghìn đồng)* và bà Ksor H1' Rúy phải nộp 75.000 đồng *(bảy mươi lăm nghìn đồng).* Ông Rơ Ô T tự nguyện nộp toàn bộ án phí là 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* cả phần của bà Ksor H nhưng được trừ vào số tiền đã tạm nộp trước đây là 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0005668 ngày 01 tháng 6 năm 2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai. Hoàn trả lại cho ông Rơ Ô T số tiền 300.000 đồng - 150.000 đồng = 150.000 đồng *(một trăm năm mươi nghìn đồng)* chênh lệch.

Trong trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Phòng KTNV TAND T. Gia Lai;
- VKSND khu vực 12;
- THADS tỉnh Gia Lai;
- UBND xã Ia Rsai;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Lê Thị Dung